

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM BÌNH
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2021/HS-ST
Ngày 19/01/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM BÌNH, TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Châu Ngọc
2. Bà Nguyễn Thị Sương

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Kim Huyền – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 66/2020/TLST-HS ngày 27 tháng 11 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với bị cáo:

Danh Minh Đ, sinh năm 1987 tại thành phố C. Nơi cư trú: Tổ Z, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Danh Q và bà Huỳnh Thị N; vợ Phan Thị Bích H và 03 người con (lớn nhất sinh năm 2005, nhỏ nhất sinh năm 2015).

Tiền sự: Không.

Tiền án: Không.

Bị cáo tại ngoại và có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Danh Minh Đ : Bà Dương Thùy T là Luật sư của văn phòng Luật sư D, thuộc đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

Địa chỉ: số Z, đường M, Khóm N, Phường Y, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- *Người làm chứng:*

1/ Chị Phan Thị Bích H, sinh năm 1984 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ Z, ấp T, xã T, huyện B , tỉnh Vĩnh Long.

2/ Cháu Danh Minh T, sinh ngày 06/7/2005 (có mặt)

Nơi cư trú: Tổ Z, ấp T, xã T, huyện B , tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của cháu Danh Minh T : Chị Phan Thị Bích H, sinh năm 1984, nơi cư trú: Tổ Z, ấp T, xã T, huyện B , tỉnh Vĩnh Long là đại diện theo pháp luật.

3/ Bà Lê Thị M, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ X, ấp T , xã T, huyện B , tỉnh Vĩnh Long.

4/ Chị Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ Z, ấp T , xã T , huyện B , tỉnh Vĩnh Long.

5/ Ông Cao Văn V , sinh năm 1965 (vắng mặt)

6/ Anh Trịnh Minh H , sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng nơi cư trú: ấp P , xã S , huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

7/ Anh Nguyễn Minh T , sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P , xã S , huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

8/ Anh Phan Nguyễn KH H , sinh năm 1996 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã T, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

9/ Anh Phan Văn H , sinh năm 1983 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ Z, ấp T, xã T, huyện B , tỉnh Vĩnh Long.

10/ Anh Phan Trung H , sinh năm 1996 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Ấp Z, xã M , huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

11/ Cháu Nguyễn Văn Đ , sinh ngày 17/3/2008 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Tổ Z, ấp T , xã T, huyện B , tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của cháu Nguyễn Văn Đ Chị Trương Thị Bích T, sinh năm 1973, nơi cư trú: Tổ Z, ấp T , xã T, huyện B , tỉnh Vĩnh Long là đại diện theo pháp luật (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng đầu tháng 4 năm 2020, Danh Minh Đ quen biết với Thái Minh H , sinh năm 1979, ngụ tổ Z, ấp T, xã T , huyện B , tỉnh Vĩnh Long. Đ nói với H là Đ không có tiền tiêu xài nên H đưa cho Đ mượn số tiền: 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ngàn đồng) gồm 05 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) và 01 (Một) tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng). H nói với Đ là xem có xài được không nên Đ nghi là tiền giả. Đ mang số tiền trên về nhà. Đ đưa cho Nguyễn Văn Đ 01 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) và nhờ Đ mua giùm Đ 01 gói thuốc Jet tại tiệm tạp hóa của bà Lê Thị M ngụ tổ 19, ấp T , xã T, huyện B , tỉnh Vĩnh Long nhưng bà M không bán vì nghi ngờ là tiền giả. Đ đem tiền trả lại cho Đ . Đ tiếp tục đến nhà anh Phan Văn H , sinh năm 1983 ngụ cùng ấp với Đ . Đ cho anh H 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng). Anh H không nhận vì nghi ngờ là tiền giả. Lúc này, Đ đem toàn bộ số tiền 2.600.000 đồng (Hai triệu sáu trăm ngàn đồng) mà Thái Minh H đã đưa cho Đ trả lại cho H .

Khoảng vài ngày sau, tại nhà Thái Minh H , H đưa cho Đ số tiền: 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm ngàn đồng), gồm 04 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) và 03 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng). H kêu Đ dùng số tiền này mua ma túy về sử dụng. Khi H đi khỏi nhà, có chị Nguyễn Thị Ngọc T (T có mối quan hệ là quen biết và ở chung nhà với H) nên Đ nói chị T đưa Đ thêm 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) nữa mới đủ tiền mua ma túy. Chị T đưa cho Đ 01 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Tổng cộng Đ có số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng) do H và T đưa. Thời điểm này Đ đã biết đây là tiền giả.

Ngày 10/4/2020, Đ mang số tiền trên đến khu đô thị mới S thuộc xã S , huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long gặp Phan Nguyễn KH H , Đ và H đến thành phố Vĩnh Long gặp Trịnh Minh H . Tại đây, Đ đưa tiền nhờ H mua phụ tùng xe mô tô nhưng H nghi là tiền giả nên không nhận. Cùng ngày, Đ , H và H đến nhà ông Cao Văn V , sinh năm 1965 ngụ ấp P , xã S , huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long chơi. Tại đây, Đ cho ông V 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) gồm 01 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng), 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng). Ông V không biết số tiền trên là tiền giả nên đã sử dụng 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) để mua bắp của chị Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1970, ngụ ấp P, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Ông V cất giữ 01 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) của Đ cho. Ngày hôm sau, tại nhà ông V , Đ đưa Nguyễn Minh T 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) nhưng T nghi là tiền giả và đã làm thất lạc tờ tiền này. Số tiền còn lại là: 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm ngàn đồng) Đ để số tiền này cùng 01 tờ tiền giấy mệnh giá 2.000 đồng (Hai ngàn đồng) vào trong vỏ bao thuốc lá hiệu Jet và ném tại bụi cỏ khu vực nhà ông V . Đ vào nhà ông V thì phát hiện trên vông có 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm

ngàn đồng). Đ nghĩ rằng đây là tiền mà Đ đã đưa cho T nhưng T đã bỏ mất nên Đ cất giữ mang về nhà Đ. Ngày 13/4/2020, tại nhà Đ, Đ đem tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) do Đ nhặt tại nhà ông V ra xem thì Danh Minh T (là con ruột của Đ) giật lấy tờ tiền trên, cất giấu.

Ngày 13/4/2020, khi ông V phát hiện vỏ bao thuốc lá hiệu Jet có chứa số tiền 2.102.000 đồng (Hai triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng) mà Đ ném bỏ tại nhà ông V. Ông V mang toàn bộ số tiền 2.602.000 đồng (Hai triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng), gồm số tiền Đ đã ném bỏ tại nhà ông V và 01 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) mà Đ cho ông V trước đó đến Công an xã S trình báo sự việc và giao nộp số tiền trên.

Sau khi tiếp nhận nguồn tin, Công an xã S đã chuyển nguồn tin trên đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình. Quá trình tạm giữ, bảo quản số tiền do Công an xã S tạm giữ chuyển đến, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình đã làm thất lạc 01 tờ tiền giấy mệnh giá 2.000 đồng (Hai ngàn đồng) và 01 vỏ bao thuốc lá hiệu Jet. Ngày 14/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tam Bình đã chuyển nguồn tin về tội phạm đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long thụ lý theo thẩm quyền.

Ngày 14/4/2020, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long tiến hành khám xét chỗ ở của Danh Minh Đ tại tổ 1, ấp T, xã T, huyện B, tỉnh Vĩnh Long phát hiện 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) do Danh Minh T cất giấu tại nhà Đ và tiến hành thu giữ.

Tang vật thu giữ gồm:

- 03 (Ba) tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) có cùng số sêri: FR 16677310;
- 02 (Hai) tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) có cùng số sêri: LO 17884215;
- 02 (Hai) tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) có cùng số sêri: YX18581210;
- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia có số sêri 1: 354478090293374, số sêri 2: 354478091293373 (thu giữ của Danh Minh Đ).

Căn cứ Kết luận giám định số: 145/KLGD-PC09 ngày 15/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long đối với số tiền do ông Cao Văn V giao nộp, gồm: 03 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng có số sêri: FR 16677310 và 02 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng có số sêri: LO 17884215 và 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng có số sêri: YX18581210 là tiền giả.

Căn cứ Kết luận giám định số: 150/KLGD-PC09 ngày 20/4/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long đối với số tiền tạm giữ khi

khám xét chỗ ở của Danh Minh Đ : 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng có số sêri: YX18581210 là tiền giả.

Quá trình điều tra, do nghi vấn Danh Minh Đ có bệnh về tâm thần nên Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long đã ra Quyết định trưng cầu giám định số 05 ngày 17/4/2020 trưng cầu giám định về tâm thần đối với Danh Minh Đ .

Căn cứ Kết luận giám định pháp y tâm thần số: 429/KL-VPYTW ngày 03/8/2020 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay Danh Minh Đ bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn do tổn thương não (F07.8-ICD.10);

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Xử lý vật chứng:

Chuyển các vật chứng sau đây đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình để tiếp tục quản lý gồm:

- 03 (Ba) tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) có cùng số sêri: FR 16677310 (là tiền giả);

- 02 (Hai) tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng có cùng số sêri: LO 17884215 (là tiền giả);

- 02 (Hai) tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng có cùng số sêri: YX18581210 (là tiền giả);

- 01 (Một) điện thoại di động hiệu Nokia có số sêri 1: 354478090293374, số sêri 2: 354478091293373 (thu giữ của Danh Minh Đ).

Tại bản Cáo trạng số: 66/CT-VKSTB ngày 26/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình đã truy tố bị cáo Danh Minh Đ về tội “Lưu hành tiền giả” theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Danh Minh Đ thừa nhận cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình truy tố bị cáo là đúng hành vi, không oan, bị cáo xin được giảm nhẹ hình phạt.

Đối với đối tượng Thái Minh H có hành vi đưa tiền giả cho Danh Minh Đ (theo lời khai của Đ) có dấu hiệu của tội Lưu hành tiền giả theo Điều 207 Bộ luật Hình sự nhưng đối tượng hiện không có mặt ở địa phương. Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long chưa làm việc được. Do đó, Cơ quan An

ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long tiếp tục xác minh, làm rõ hành vi của Thái Minh H để xử lý sau.

Đối với Nguyễn Thị Ngọc T không thừa nhận đưa tiền giả cho Danh Minh Đ. Đồng thời, T cũng không biết việc Thái Minh H đưa tiền giả cho Danh Minh Đ. Quá trình điều tra, ngoài lời khai của Đ, không có chứng cứ nào khác để chứng minh hành vi phạm tội của T. Do đó, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Vĩnh Long không đủ căn cứ để xử lý đối với Nguyễn Thị Ngọc T.

Đối với ông Cao Văn V được Danh Minh Đ cho số tiền giả là 600.000 đồng nhưng ông V không biết là tiền giả và có sử dụng tờ polymer tiền mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) để mua thức ăn. Đến ngày 13/4/2020, ông V phát hiện vỏ bao thuốc lá hiệu Jet có chứa số tiền 2.102.000 đồng (Hai triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng) mà Đ ném bỏ tại nhà ông V. Ông V mang toàn bộ số tiền 2.602.000 đồng (Hai triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng), gồm số tiền Đ ném bỏ và 01 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) mà Đ đã cho ông V trước đó đến Công an xã S trình báo sự việc và giao nộp số tiền trên. Do đó, hành vi của ông V không vi phạm pháp luật.

Đối với hành vi của Nguyễn Minh T và Phan Trung H, T được Danh Minh Đ cho 01 tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) tiền giả nhưng T không sử dụng và làm mất. H có nhìn thấy các tờ tiền giả tại nhà ông V. Tuy nhiên, T và H không biết đây là tiền giả nên không đủ cơ sở để xử lý T và H về tội Không tố giác tội phạm theo Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Đối với Trịnh Minh H được Danh Minh Đ đưa tiền nhờ mua phụ tùng xe mô tô nhưng do nghi ngờ là tiền giả nên H không nhận. Ngày 13/4/2020, Đ nhờ H đến nhà ông V tìm số tiền giả mà Đ ném bỏ tại nhà ông V nhưng H không đồng ý. Do đó, hành vi của H chưa đủ yếu tố cấu thành tội Không tố giác tội phạm theo Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Đối với Lê Thị M và Phan Văn H có nhìn thấy những tờ tiền giả của Danh Minh Đ tuy không biết là tiền giả nhưng nghi ngờ và không nhận. Do đó, hành vi của Lê Thị M và Phan Văn H chưa đủ yếu tố cấu thành tội Không tố giác tội phạm theo Điều 390 Bộ luật Hình sự.

Đối với hành vi của Danh Minh T (15 tuổi), T biết tờ tiền polymer mệnh giá 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) là tiền giả (do nghe Đ nói) nhưng T vẫn cất giấu có dấu hiệu của tội Tàng trữ tiền giả theo Điều 207 Bộ luật Hình sự. Đối với Nguyễn Văn Đ (12 tuổi) không biết tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) do Đ đưa là tiền giả nên Đ dùng tờ tiền trên để đi mua thuốc lá cho Đ. Thời điểm thực hiện hành vi, T và Đ chưa đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự về hành vi trên nên không đề cập xử lý.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Danh Minh Đ về tội “Lưu hành tiền giả”. Sau khi phân tích nguyên nhân, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội,

nhân thân bị cáo, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng cho bị cáo, Kiểm sát viên đề nghị:

Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo Danh Minh Đ phạm tội “Lừa hành tiền giả”.

Áp dụng khoản 1 Điều 207; Điều 38; các điểm q, s khoản 1 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đề nghị xử phạt bị cáo Danh Minh Đ mức án từ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng đến 02 (Hai) năm tù.

Áp dụng khoản 5 Điều 207 Bộ luật Hình sự miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo Đ .

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy: Số tiền giả 2.700.000 đồng gồm: 05 tờ tiền VNĐ, loại giấy polymer, mệnh giá 500.000 đồng số sêri: FR 16677310 (03 tờ); LO 17884215 (02 tờ) và 02 tờ tiền VNĐ, loại giấy polymer, mệnh giá 100.000 đồng có cùng số sêri: YX 18581210.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, số sêri 1: 354478090293374; số sêri 2: 354478091293373.

- Luật sư Dương Thùy T bào chữa cho bị cáo Danh Minh Đ trình bày quan điểm bảo vệ: Tiền giả là do người khác cho Đ , Đ vô ý phạm tội chứ không cố ý phạm tội và hợp tác với cơ quan điều tra. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 207; các điểm q, s, t khoản 1 Điều 51; Điều 65 của Bộ luật Hình sự giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Đ và cho bị cáo được hưởng án treo.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tội này không phải tội cố ý của bị cáo, bị cáo không biết tiền giả, không dám xài. Xin hưởng án treo, bị cáo bị khủng không ai lo hết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người làm chứng, biên bản hỏi cung bị can, biên bản khám nghiệm hiện trường cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai tại phiên tòa thể hiện: Vào khoảng đầu tháng 4 năm 2020, tại nhà Thái Minh H , H đưa cho Đ số tiền: 2.300.000 đồng (Hai triệu ba trăm ngàn đồng) tiền giả. Nguyễn Thị Ngọc T đưa cho Đ 01 tờ polymer tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) tiền giả. Tổng cộng Đ có số tiền 2.800.000 đồng (Hai triệu tám trăm ngàn đồng) do H và T đưa. Đ biết số tiền này là tiền giả (không được Nhà nước phát hành).

Ngày 10/4/2020, tại thành phố Vĩnh Long, Đ đưa tiền (tiền giả) nhờ Trịnh Minh H mua giùm Đ phụ tùng xe mô tô nhưng H nghi là tiền giả nên không nhận. Cùng ngày, Đ đến nhà ông Cao Văn V thuộc ấp P , xã S , huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Đ cho ông V 600.000 đồng (Sáu trăm ngàn đồng) tiền giả. Ngày 11/4/2020, tại nhà ông V , Đ cho Nguyễn Minh T 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) tiền giả nhưng T nghi là tiền giả và đã làm mất tờ tiền này. Đối với số tiền giả còn lại là: 2.100.000 đồng (Hai triệu một trăm ngàn đồng), Đ để số tiền này cùng 01 tờ tiền giấy mệnh giá 2.000 đồng (Hai ngàn đồng) vào trong vỏ bao thuốc lá hiệu Jet và ném tại bụi cỏ khu vực nhà ông V .

Ngày 13/4/2020, khi ông V phát hiện vỏ bao thuốc lá hiệu Jet có chứa số tiền 2.102.000 đồng (Hai triệu một trăm lẻ hai ngàn đồng) mà Đ ném bỏ tại nhà ông V . Ông V mang toàn bộ số tiền 2.602.000 đồng (Hai triệu sáu trăm lẻ hai ngàn đồng), gồm số tiền Đ ném bỏ tại nhà ông V và 01 tờ tiền polymer mệnh giá 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng) mà Đ đã cho ông V trước đó đến Công an xã S trình báo sự việc và giao nộp số tiền trên.

Hành vi của bị cáo Danh Minh Đ đã phạm vào tội “Lưu hành tiền giả” được quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Hình sự như truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật và có căn cứ.

[2.2] Xét tính chất, mức độ phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến hoạt động quản lý tài chính, tiền tệ của Nhà nước, gây tác hại đến việc lưu thông tiền tệ trong thị trường, gây bất ổn nền kinh tế và gây mất trật tự, trị an xã hội. Vì vậy, cần xử lý bị cáo một mức án nghiêm khắc tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo để cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người công dân tốt, có ích cho xã hội và ngăn chặn những trường hợp tương tự có thể xảy ra.

Trong thời gian cho Tòa án đưa vụ án ra xét xử, ngày 28/12/2021 bị cáo bị Công an xã T, huyện B , tỉnh Vĩnh Long xử phạt hành chính về hành vi trộm cắp tài sản (trộm chó) với số tiền 1.500.000 đồng. Ngày 08/01/2021 Công an xã T, huyện B , tỉnh Vĩnh Long có công văn số 10/CV-CAX đề nghị Tòa án nhân dân huyện T xử lý bị cáo Đ đúng quy định của pháp luật, nhằm đảm bảo tình hình trật tự, an toàn xã hội tại địa phương.

[2.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 429/KL-VPYTW ngày 03/8/2020 của Viện pháp y tâm thần trung ương Biên Hòa kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay Danh Minh Đ bị bệnh rối loạn nhân cách và hành vi thực tổn do tổn thương não (F07.8-ICD.10);

- Về khả năng nhận thức và điều khiển hành vi:

+ Tại thời điểm gây án: Đang sự bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

+ Hiện nay: Đang sự đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Như vậy có cơ sở xác định bị cáo Đ khi thực hiện hành vi phạm tội bị hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Do bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt cũng đủ điều kiện để giáo dục, cải tạo bị cáo và nhằm thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo có H cảnh gia đình có khó khăn về kinh tế nên không cần thiết xử phạt bổ sung đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 207 của Bộ luật Hình sự.

[2.4] Xét lời bào chữa của luật sư Dương Thùy T là có cơ sở chấp nhận một phần.

[2.5] Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy vật chứng cầm lưu hành là số tiền giả 2.700.000 đồng gồm: 05 tờ tiền VNĐ, loại giấy polymer, mệnh giá 500.000 đồng số sêri: FR 16677310 (03 tờ); LO 17884215 (02 tờ) và 02 tờ tiền VNĐ, loại giấy polymer, mệnh giá 100.000 đồng có cùng số sêri: YX 18581210.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước công cụ phạm tội: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, số sêri 1: 354478090293374; số sêri 2: 354478091293373.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/11/2020.

[2.6] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo là người có nhược điểm về tâm thần. Do đó, căn cứ vào quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 11 của Nghị quyết số 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định

về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị cáo không phải chịu án phí.

[3] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án theo quy định tại khoản 1 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 207; Điều 38; Điều 54; các điểm q, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

1.1 Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Danh Minh Đ phạm tội “Lưu hành tiền giả”.

1.2 Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Danh Minh Đ 01 (Một) năm 06 (Sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo chấp hành án.

1.3 Áp dụng khoản 5 Điều 207 Bộ luật Hình sự: Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu, tiêu hủy: Số tiền giả 2.700.000 đồng gồm: 05 tờ tiền VNĐ, loại giấy polymer, mệnh giá 500.000 đồng số sêri: FR 16677310 (03 tờ); LO 17884215 (02 tờ) và 02 tờ tiền VNĐ, loại giấy polymer, mệnh giá 100.000 đồng có cùng số sêri: YX 18581210.

Tịch thu, nộp ngân sách nhà nước: 01 (Một) điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA, số sêri 1: 354478090293374; số sêri 2: 354478091293373.

Hiện vật chứng đang quản lý tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 26/11/2020.

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bị cáo Danh Minh Đ không phải chịu án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long;

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

- Phòng hồ sơ – Công an tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện Tam Bình;
- Chi cục THADS huyện Tam Bình;
- CQĐT Công an huyện Tam Bình;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Thảo